

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 92/2025/DS-ST
Ngày: 27-6-2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Văn Tươi
- Ông Nguyễn Ngọc Ân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Đỗ Phúc Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 128/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2025/QĐST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Th Th, sinh năm 1963; Địa chỉ: Ấp 4, xã A, huyện B, tỉnh L.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Huỳnh Th H, sinh năm 1966; Địa chỉ: Số 9/1 đường Phan Văn Măng, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An (theo Giấy ủy quyền ngày 10/4/2025);

Bị đơn: Bà Đặng Th Tr, sinh năm 1977; Địa chỉ: Ấp 4, xã A, huyện B, tỉnh L.

(Bà H có đơn xin vắng mặt; bà Tr vắng mặt không rõ lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 10/4/2025 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th Th do bà Huỳnh Th H là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Nguyễn Thị Th Th và bà Đặng Th Tr có quan hệ quen biết nhau nên vào năm 2024 và năm 2025 bà Th có nhiều lần cho bà Tr vay tiền. Cụ thể vào ngày 17/10/2024 cho vay 50.000.000 đồng, ngày 21/10/2024 cho vay 100.000.000 đồng và ngày 01/01/2025 cho vay 30.000.000 đồng, tổng cộng bà Tr vay của bà Th số tiền là 180.000.000 đồng. Mỗi lần vay bà Tr có tự viết giấy vay tiền và giao cho bà Th giữ, khi nào hoàn trả thì bỏ giấy, hai bên thỏa thuận lãi suất mỗi lần vay là 3%/tháng, không thỏa thuận thời gian hoàn trả, khi nào cần thì bà Th báo trước cho bà Tr biết trước 01 tháng. Từ lần vay đầu thì bà Tr đã không thanh toán được tiền lãi cho bà Th, nhưng do bà Tr có năn nỉ cho vay tiếp để tạo điều kiện cho bà Tr làm ăn trả nợ nên bà Th đồng ý. Sau đó, do cần tiền nên bà Th đã thông báo đòi nợ đến bà Tr nhưng bà Tr vẫn không hoàn trả gốc lãi, hiện nay gia đình bà Th gặp khó khăn về tài chính nên bà Th yêu cầu bà Tr phải hoàn trả cho bà Th số tiền gốc vay là 180.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm cụ thể như sau:

Tiền lãi đối với khoản vay 50.000.000 đồng: $50.000.000 \text{ đồng} \times 1.66\%/1 \text{ tháng} \times 08 \text{ tháng} \times 10 \text{ ngày}$ (từ ngày 17/10/2024 đến ngày 27/6/2025) = 6.916.666 đồng.

Tiền lãi đối với khoản vay 100.000.000 đồng: $100.000.000 \text{ đồng} \times 1.66\%/1 \text{ tháng} \times 08 \text{ tháng} \times 06 \text{ ngày}$ (từ ngày 21/10/2024 đến ngày 27/6/2025) = 13.611.999 đồng.

Tiền lãi đối với khoản vay 30.000.000 đồng: $30.000.000 \text{ đồng} \times 1.66\%/1 \text{ tháng} \times 05 \text{ tháng} \times 21 \text{ ngày}$ (từ ngày 01/01/2025 đến ngày 27/6/2025) = 2.838.599 đồng.

Tổng cộng: Bà Th yêu cầu bà Tr hoàn trả tiền vay là 203.367.264 đồng (trong đó gồm tiền gốc là 180.000.000 đồng và tiền lãi là 23.367.264 đồng). Ngoài ra, nguyên đơn không còn yêu cầu khởi kiện nào khác.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, bà Tr vẫn tiếp tục vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án. Cho nên, Tòa án lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và biên bản không hòa giải được. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu không tiến hành hòa giải. Do đó, Tòa án không tiếp tục hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, bà Tr vắng mặt không rõ lý do, nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo pháp luật tố tụng và những người tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Theo nội dung Giấy mượn tiền ngày 17/10/2024 thể hiện bà Tr có vay của bà Th số tiền 50.000.000 đồng, ngày 21/10/2024 vay số tiền 100.000.000 đồng, ngày 01/01/2025 vay số tiền 30.000.000 đồng. Trong quá trình Tòa án giải quyết, bị đơn vắng mặt không có lý do chính đáng mặc dù đã được tổng đạt, triệu tập hợp lệ, cũng như không có bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan

đến vụ án hoặc văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do nguyên đơn đưa ra. Do đó, việc bà Nguyễn Thị Th Th khởi kiện yêu cầu bà Đặng Th Tr phải hoàn trả cho bà Th số tiền nợ gốc là 180.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận. Đối với yêu cầu tính lãi của bà Th với mức lãi suất là 1.66%/tháng thì thấy rằng, do nội dung các giấy mượn tiền đều không thể hiện việc trả lãi nên chấp nhận đối với mức lãi suất 0.83%/tháng. Bà Tr đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nợ vay theo giấy vay nợ nên việc bà Th yêu cầu bà Tr trả số tiền gốc 180.000.000 đồng và một phần tiền lãi là có cơ sở chấp nhận. Từ những phân tích nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, bị đơn có địa chỉ tại Ấp 4, xã A, huyện B, tỉnh L. Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm thuộc Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[1.2] Về việc vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, riêng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về phạm vi xét xử: Nguyên đơn có yêu cầu khởi kiện liên quan đến hợp đồng vay tài sản, bị đơn không có yêu cầu phản tố, đồng thời cũng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Tòa án không nhận được bất kỳ tài liệu chứng cứ, ý kiến hay yêu cầu gì của bị đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án và chỉ xem xét những nội dung theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được quy định tại Điều 5, Điều 188 Bộ luật Tố tụng dân sự; những nội dung khác không liên quan đến nội dung khởi kiện của nguyên đơn không được Hội đồng xét xử xem xét.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét hình thức, nội dung của “Giấy mượn tiền ghi các ngày 17/10/2024, ngày 21/10/2024 và ngày 01/01/2025 thấy rằng: Hợp đồng được xác lập giữa bên vay là bà Đặng Th Tr và bên cho vay là bà Nguyễn Thị Th Th trên cơ sở tự nguyện, có nội dung không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Nội dung thỏa thuận được lập thành văn bản, tại mục chữ ký và họ tên của Giấy mượn tiền có chữ ký “Tr ” và chữ viết “Đặng Th Tr”, bà Tr không có ý kiến phản đối hoặc không thừa nhận chữ ký và chữ viết này là của mình. Căn cứ Giấy mượn tiền ghi các ngày 17/10/2024, ngày 21/10/2024, ngày 01/01/2025 do bà Đặng Th Tr viết, cụ thể ngày 17/10/2025 bà Tr xác nhận nợ bà Th 50.000.000 đồng, ngày 21/10/2024 bà Tr xác nhận nợ bà Th 100.000.000 đồng và ngày 01/01/2025 bà Tr xác nhận nợ bà Th thêm 30.000.000 đồng, tổng cộng số tiền là 180.000.000 đồng. Do đó, giao dịch vay tiền được xác định là hợp pháp, làm căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên khi

tham gia giao kết hợp đồng nên xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Hiện nay, bà Tr vẫn chưa thanh toán nợ gốc cũng như lãi vay cho nguyên đơn là đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.

[2.2] Căn cứ vào Thông báo đòi nợ do nguyên đơn cung cấp cũng như các Biên bản hòa giải ngày 03/3/2025 và ngày 06/3/2025 tại UBND xã An Thạnh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An thì bị đơn đều vắng mặt không có lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà Tr nhưng bà Tr cũng tiếp tục vắng mặt và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu hoàn trả nợ gốc vay là 180.000.000 đồng và tiền lãi, thấy rằng:

Như đã phân tích trên, việc bà Tr không thanh toán theo nội dung cam kết là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, làm cho quyền và lợi ích hợp pháp của bà Th bị xâm phạm. Do đó, buộc bà Tr có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Th số tiền gốc vay là 180.000.000 đồng là có căn cứ.

Về yêu cầu tính lãi với số tiền lãi là 23.367.264 đồng (theo mức lãi suất 1.66%/tháng), thấy rằng: Nguyên đơn cho rằng lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng nhưng tại đơn khởi kiện chỉ yêu cầu tính lãi với mức lãi suất là 1.66%/tháng. Thấy rằng, các bên chưa thực hiện việc thanh toán lãi và nội dung giấy vay tiền cũng không thể hiện có thỏa thuận về lãi suất, bị đơn không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên đối với yêu cầu tính lãi thì chỉ có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, lãi suất được tính với mức 0.83%/tháng là phù hợp với quy định tại các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015. Tiền lãi được tính như sau: Tiền lãi đối với khoản vay 50.000.000 đồng là 3.458.333 đồng (50.000.000 đồng x 0.83%/1 tháng x 08 tháng 10 ngày); Tiền lãi đối với khoản vay 100.000.000 đồng là 6.805.999 đồng (100.000.000 đồng x 0.83%/1 tháng x 08 tháng 06 ngày) và tiền lãi đối với khoản vay 30.000.000 đồng là 1.419.299 đồng (30.000.000 đồng x 0.83%/tháng x 05 tháng 21 ngày).

Như vậy, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Th về việc yêu cầu bà Tr có nghĩa vụ thanh toán cho bà Th số tiền tổng cộng là 191.683.631 đồng (trong đó gồm tiền gốc là 180.000.000 đồng và tiền lãi là 11.683.631 đồng), không chấp nhận yêu cầu của bà Th về việc yêu cầu bà Tr thanh toán tiền lãi là 11.683.633 đồng (23.367.264 đồng - 11.683.631 đồng).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại các Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bà Tr phải chịu án phí đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận là 9.584.182 đồng, bà Th phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nhưng do bà Th có đơn xin miễn án phí và thuộc trường hợp được miễn nên bà Th được miễn án phí.

[4] Về quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và quy định pháp luật nên có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 các Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 188, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th Th đối với bị đơn bà Đặng Th Tr về việc yêu cầu thanh toán nợ gốc vay là 180.000.000 đồng và thanh toán lãi là 11.683.631 đồng:

1.1 Buộc bà Đặng Th Tr có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Th Th số tiền nợ vay tổng cộng là 191.683.631 đồng (một trăm chín mươi một triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn sáu trăm ba mươi một đồng), trong đó gồm tiền gốc là 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng) và tiền lãi là 11.683.631 đồng (mười một triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn sáu trăm ba mươi một đồng).

1.2 Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trong vụ án này, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th Th đối với bị đơn bà Đặng Th Tr về việc yêu cầu thanh toán lãi là 11.683.633 đồng (mười một triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn sáu trăm ba mươi ba đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Th Th không phải chịu án phí, buộc bà Đặng Th Tr có nghĩa vụ chịu án phí là 9.584.182 đồng (chín triệu năm trăm tám mươi bốn nghìn một trăm tám mươi hai đồng).

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- CC.THADS huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Thái Thị Thanh Thúy